

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115./2023/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Văn Mạnh

Ông Vương Tiến Chuẩn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hiền- Kiểm sát viên;

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 330/2023/TLST-HNGD ngày 21 tháng 8 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-HNGD ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ninh Thị Đ, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn ĐB, xã ĐG, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Lục Văn Th, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn ĐB, xã ĐG, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/8/2023 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, chị Ninh Thị Đ trình bày: Chị tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với anh Lục Văn Th, có đăng ký kết

hôn ngày 09/12/2010 tại UBND xã ĐG, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống, không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế, ngoài ra anh Th còn đánh đập chị, vợ chồng không còn tôn trọng, yêu thương nhau, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Lục Minh H, sinh ngày 16/12/2010 và Lục Quang T, sinh ngày 05/10/2014, hiện cháu đang ở cùng anh Th. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng để anh Th nuôi cả 02 con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị và anh Th tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/8/2023, anh Lục Văn Th trình bày: Anh Th thừa nhận thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn như chị Đ trình bày là đúng, anh Th cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân do anh nghi ngờ chị Đ có quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng cãi nhau, không có tiếng nói chung. Nay anh xác định tình nghĩa vợ chồng vẫn còn, vẫn muốn cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng nếu chị Đ nhất quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

Về con chung: Anh Th thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Lục Minh H, sinh ngày 16/12/2010 và Lục Quang T, sinh ngày 05/10/2014 như chị Đ trình bày là đúng, hiện 02 cháu đang ở cùng anh. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh hiện đang làm lao động tự do với mức thu nhập trung bình 01 tháng khoảng 10.000.000 đồng. Anh đảm bảo có thể tự mình chăm sóc tốt cả 02 con chung sau khi vợ chồng ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chung cả cháu H và cháu T cùng trình bày nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Cho chị Ninh Thị Đ ly hôn anh Lục Văn Th.

Giao cho anh Lục Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lục Minh H, sinh ngày 16/12/2010 và Lục Quang T, sinh ngày 05/10/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ, anh Th không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết..

Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ninh Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lục Văn Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ, anh Th theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ninh Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với anh Lục Văn Th, anh Lục Văn Th có địa chỉ tại xã ĐG, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Đây là quan hệ tranh chấp Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về Nội dung: Chị Đ và anh Th đều thừa nhận tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐG, huyện Lục Ngạn ngày 19/12/2010. Lời thừa nhận của chị Đ, anh Th phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01

ngày 19/12/2010 của UBND xã ĐG, huyện Lục Ngạn do chị Đ nộp kèm theo đơn khởi kiện. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Th là hợp pháp. Do vợ chồng mâu thuẫn, chị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh Th, yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đ, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Các lời khai của chị Đ và anh Th đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, chị Đ cho rằng nguyên nhân do không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế và anh Th đánh chị. Anh Th cho rằng nguyên nhân chị Đ đi làm công ty và có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Mặc dù hai bên đưa ra nguyên nhân khác nhau nhưng chị Đ xin ly hôn anh Th đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian sống chung vợ chồng chị Đ và anh Th không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly Th, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần cho chị Ninh Thị Đ được ly hôn với anh Lục Văn Th.

[3.2] Về con chung: Chị Đ và anh Th đều thừa nhận có 02 con chung là Lục Minh H, sinh ngày 16/12/2010 và Lục Quang T, sinh ngày 05/10/2014, hiện 02 đang ở cùng với anh Th, các cháu vẫn khỏe mạnh phát triển bình thường, cháu Hoàng và cháu Trình đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với bố anh Lục Văn Th, cả chị Đ và anh Th đều có nguyện vọng để anh Th nuôi cả 02 con chung: Về yêu cầu nuôi con chung thì thấy: Anh Th có nguyện vọng nuôi con chung, anh Th có thu nhập và nơi ở ổn định, để các cháu ổn định cuộc sống và học tập, các cháu có điều kiện tốt nhất để phát triển toàn diện, nên cần giao cho anh Lục Văn Th nuôi dưỡng con chung là Lục Minh H, sinh ngày 16/12/2010 và Lục Quang T, sinh ngày 05/10/2014 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại 81 Luật hôn nhân và gia đình .

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Đ, anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Đ, anh Th đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Chị Ninh Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, điểm b Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ninh Thị Đ được ly hôn anh Lục Văn Th.

2. Về con chung: Giao cho anh Lục Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lục Minh H, sinh ngày 16/12/2010 và Lục Quang T, sinh ngày 05/10/2014.

Chị Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở chị Đ thực hiện quyền này.

Chị Đ và anh Th có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ, anh Th đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí: Chị Ninh Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004221, ngày 21/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Xác nhận chị Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã ĐG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thu Hà